

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+CTK3	7:25	17+4	0+0		13+9	0+0	
2		TD2+MRM	9:25	5+16	0+0		0+20	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2024	TO: MRM - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOYCHUK VALERY	MRM	34	1	10	30	69	AMNGR	Russian
2	CHIRKIN DANIIL	MRM	19	1	14		66	AMNGR	Russian
3	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	28-29	2	19		79	AMNGR	Russian
4	BELENKO KONSTANTIN	MRM	22-23	2	14		81	AMNGR	Russian
5	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	20	1	7		90	AMNGR	Russian
6	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	31	1	7		76	AMNGR	Russian
7	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	33	1	5		80	AMNGR	Russian
8	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	30	1	9		125	AMNGR	Russian
9	KARNIUKHIN VITALII	MRM	32	1	12		69	AMNGR	Russian
10	MAI HAI LONG	MRM	27	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
11	KIRICHENKO K.P.	MRM	17	1	7		81	KHOAN	Russian
12	PHẠM ĐÌNH BẢO	MRM	24	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIỀN	MRM	25	1	5		68	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ QUỐC	MRM	16	1	7		62	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN HÙNG DŨNG	MRM	21	1	10		75	DVL	Vietnamese
16	LƯU ĐÌNH TRỌNG	MRM	26	1	12		81	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THU	MRM	18	1	15		62	DVL	Vietnamese
18	PHẠM THANH HAI	CTK3	22	1	5	13	70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO ĐỨC TRƯỞNG	CTK3	24-25	2	20	40	56	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3	23	1	4		78	SANBAY	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	21	1	10		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	19	168	1.300	30	13		
2	CTK3	4	5	39	284	53	9		
TOTAL		21	24	207	1.584	83	22		
WEIGHT KG				207	1.584	83			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2024	TO: TD2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH CUÔNG	TD2	76	1	12	20	70	CODIEN	Vietnamese
2	LE TRỌNG DŨNG	TD2	71-72	2	20		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TD2	75,500	2	20		76	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THIỀU	TD2	99	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
5	MURALEEDHARAN NAIR SARATH	TD2	73-74	2	16		86	NOVOMET	Indian
6	NGUYỄN TRỌNG HOANG	MRM	49	1	6		70	DVL	Vietnamese
7	BUI HUY BANG	MRM	37	1	16		67	DVL	Vietnamese
8	NHAM ĐỨC TUÂN	MRM	53	1	13		68	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH KHA	MRM	46-47	2	18		75	DVL	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN YÊN	MRM	54-55	2	18		64	DVL	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HƯƠNG	MRM	39	1	14		93	DVL	Vietnamese
12	HUYNH VŨ TÍNH	MRM	45	1	13		65	DVL	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HÙNG	MRM	48	1	12		71	DVL	Vietnamese
14	SACHOK VALERII	MRM	42	1	10		85	AMNGR	Russian
15	ZHIGALO ARTUR	MRM	43-44	2	13		85	AMNGR	Russian
16	KRASNOV ARTEM	MRM	40	1	14		82	AMNGR	Russian
17	POLIAKOV IGOR	MRM	51	1	13		82	AMNGR	Russian
18	SEME NOV VASILII	MRM	41	1	10		86	AMNGR	Russian
19	KADATOV MIKHAIL	MRM	52	1	16		75	AMNGR	Russian
20	FILATOV SERGEY	MRM	38	1	15		109	AMNGR	Russian
21	CHERNIATEV KIRILL	MRM	50	1	13		84	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

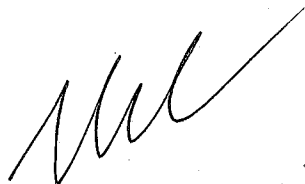
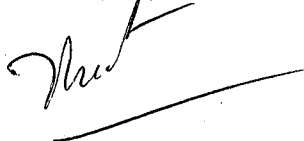
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	8	83	372	20	0		
2	MRM	16	19	214	1.261	0	21		
TOTAL		21	27	297	1.633	20	21		
WEIGHT KG				297	1.633	20			

GRAND TOTAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


Liệu VSP